

Bản án số: 88/2022/HS-ST
Ngày 13/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Th1húy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy Lợi

2. Ông Huỳnh Thế Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Đào T1uấn - Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2022/TLST - HS ngày 10 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 98/2022/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST - HS ngày 01 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

HOÀNG NGỌC B (tên gọi khác: B xị), sinh năm 1992 tại Gia Lai; nơi cư trú: Tổ 9, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Ngọc K, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ, con; nhân thân xấu.

Tiền án: 02 lần

- Ngày 30 tháng 3 năm 2016 Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 tại Bản án số 46/HSST; chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Ngày 17 tháng 6 năm 2017, chấp hành xong hình phạt tù. Hiện chưa thi hành nghĩa vụ bồi thường dân sự và án phí.

- Ngày 07 tháng 01 năm 2020 Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tại Bản án số 01/HSST; chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Ngày 25 tháng 3 năm 2021, chấp hành xong hình phạt tù. Hiện chưa thi hành nghĩa vụ bồi thường dân sự và án phí.

Tiền sự: Không

Hoàng Ngọc B bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P từ ngày 13 tháng 01 năm 2022 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

NGUYỄN TẤN T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1992 tại Gia Lai; nơi cư trú: Thôn 01, xã TĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn M, sinh năm 1964 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1970; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Hoàng D, sinh năm 1998 và 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân xấu: Ngày 09 tháng 9 năm 2011 Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh Gia Lai xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 23 tháng 10 ngày về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 tại Bản án số 21/HSST. Ngày 18 tháng 11 năm 2011 thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyễn Tấn T bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P từ ngày 13 tháng 01 năm 2022 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Anh Hồ Nhật T1, sinh năm 1993 và chị Lê Như A, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn 02, thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. T1 có mặt. Chị Ánh vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

+ Ông Vũ Ngọc Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn 01, xã Biển Hồ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hoàng Ngọc K, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 9, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

+ Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn 01, xã TĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

+ Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987; địa chỉ: 302 Hùng Vương, phường Hội Thương, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tấn T và Hoàng Ngọc B có quan hệ quen biết nhau. Ngày 25 tháng 12 năm 2021, B một mình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản và ngày 08 tháng 01 năm 2022, B cùng với T thực hiện 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố P, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 15 giờ ngày 25 tháng 12 năm 2021, Hoàng Ngọc B điều khiển xe mô tô biển số 81B1 - 684.97 lưu thông trên đường PVD, thành phố P theo hướng ngã ba HL đi ngã tư YT, phường YT. Khi đi ngang qua số nhà 325 đường PVD, thuộc phường TN, thành phố P, B phát hiện ông Vũ Ngọc Đ đang dừng xe ô tô tải và bốc hàng ở phía sau thùng

xe; trên cabin xe ô tô, ông Đ có để điện thoại di động hiệu Samsung J8 nhưng không có người trông coi. B nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại di động của ông Đ, nên dừng xe và đi bộ đến lén lút mở cửa bên trái (bên ghế lái) của xe ô tô, lấy chiếc điện thoại của ông Đ bỏ vào túi quần, rồi nhanh chóng tẩu thoát. Sau đó, B mang điện thoại vừa chiếm đoạt được đến cửa hàng điện thoại HT bán cho ông Nguyễn Văn Q (là chủ cửa hàng) được 1.000.000 đồng sử dụng tiêu xài. Cơ quan cảnh sát Công an thành phố P đã thu giữ được điện thoại hiệu Samsung J8 tại cửa hàng điện thoại Hoàn Thiện.

Tại Kết luận định giá tài sản số 16/KL – HĐ ĐGTS ngày 24 tháng 01 năm 2022 kết luận “01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, loại J8, màu đen, mua mới vào tháng 4 năm 2021, bị chiếm đoạt, tài sản đã thu hồi được; Tài sản đã qua sử dụng; Có giá trị thời điểm ngày 25/12/2021 là: 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng)”

Sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại điện thoại di động trên cho ông Đ.

Vụ thứ hai: Nguyễn Tấn T có quen biết với anh Hồ Nhật T1. Khoảng 15 giờ ngày 08 tháng 01 năm 2022, khi T đang ngồi uống nước với Hoàng Ngọc B ở đường CVA, phường PĐ, thành phố P thì nhận được điện thoại của T1 nhờ T tìm mua pháo để bán lại thu lợi; T hẹn sẽ gọi lại để trả lời cho T1 sau. Ngay sau đó, T nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của T1 thông qua việc mua pháo và rủ B cùng thực hiện, thì B đồng ý. T bàn bạc với B việc chiếm đoạt tiền của T1 bằng cách: B giả vờ nhận là người bán pháo tên Kiên, trú ở huyện IG, tỉnh Gia Lai; T sẽ cho T1 số điện thoại của B và giới thiệu là số điện thoại của người tên Kiên, để T1 liên lạc mua pháo; khi T1 liên lạc, B sẽ giả vờ đồng ý bán pháo và hướng dẫn T1 giao tiền cho T, để cả hai chiếm đoạt số tiền này. Bàn bạc với B xong, T nhắn tin cho T1 giới thiệu về Kiên là người có bán pháo (thực ra là B) và cho T1 số điện thoại của B là 0396.097.064 để liên hệ. Khi T1 gọi vào số điện thoại 0396.097.064 cho B hỏi mua pháo, thì B giả vờ đồng ý bán cho T1 20 hộp pháo H với giá 800.000đồng/hộp, tổng cộng là 16.000.000 đồng, đồng thời hẹn tối cùng ngày T sẽ dẫn T1 đi lấy pháo, T1 đồng ý. T1 B vợ là chị Lê Như Ánh chuẩn bị 16.000.000 đồng để đi mua hàng bán tết, rồi liên lạc hẹn gặp T tại Quảng trường Đại Đoàn Kết, thành phố P vào buổi tối, để T dẫn đi mua pháo. Đến khoảng 19 giờ ngày 08 tháng 01 năm 2022, T1 điều khiển xe mô tô chở chị A đến Quảng trường Đại Đoàn Kết, thành phố P gặp T; T giả vờ điều khiển xe mô tô biển số 81H9-4893 đi trước dẫn đường cho vợ chồng anh T1. Khi đi đến đường Lý Thái Tổ, đoạn trước số nhà 120 thuộc tổ 6, phường Yên Đỗ, thành phố P, T dừng xe, giả vờ nói vợ chồng anh T1 đứng chờ và đưa tiền để T đi lấy pháo; anh T1 tin tưởng T nên nói chị A đưa tiền cho T. Khi nhận đủ 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) từ chị A, T điều khiển xe mô tô 81H9 - 4893 đến khu vực Bệnh viện thành phố P đón B (B đã chờ sẵn ở đây) rồi cả hai bỏ trốn; số tiền chiếm đoạt được của vợ chồng anh T1, T và B đã cùng nhau tiêu xài hết. Đối với anh T1, sau khi chờ khoảng 30 phút nhưng không thấy T quay lại, thì gọi điện thoại cho T và Kiên (thực chất là B) nhưng không được, nên đã đến Công an thành phố P trình báo và

khai đã bị T cướp giật số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) tại đường LTT, phường YD thành phố P.

Từ nội dung trình báo và lời khai ban đầu của anh Hồ Nhật T1, chị Lê Như Ánh, ngày 11 tháng 01 năm 2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã khởi tố vụ án về tội: “*Cướp giật tài sản*” để tiến hành điều tra. Ngày 12 tháng 01 năm 2022, biết không thể che giấu hành vi của bản thân, nên Nguyễn Tấn T đến Công an thành phố P đầu thú và khai nhận về hành vi cùng với Hoàng Ngọc B dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 16.000.000 đồng của anh T1, chị A như nêu trên. Khi ra đầu thú, T giao nộp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4 màu trắng, số IMEI 012538004905886, mặt sau và màn hình bị đã bị nứt vỡ, kèm sim số thuê bao 0342.847.332, bề mặt sim có dòng chữ “Viettel 4G, 8984048000339004322” và xe mô tô nhãn hiệu HAVICO biển số 81H9-4893. Ngày 13 tháng 01 năm 2022, B cũng đến Công an thành phố P đầu thú, khai nhận về hành vi cùng với T dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của anh T1, chị A như lời khai của T, đồng thời B cũng tự thú, khai nhận về hành vi chiếm đoạt điện thoại di động của ông Vũ Ngọc Đ vào ngày 25 tháng 12 năm 2021. Khi ra đầu thú, B giao nộp 01 thẻ sim điện thoại có số thuê bao 0396.097.064, bề mặt sim có dòng chữ “Viettel 4G, 8984048000047779631”.

Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã làm việc lại với anh Hồ Nhật T, chị Lê Như A, thì anh T1, chị Ánh cũng đã thay đổi lời khai và thừa nhận diễn biến việc bị chiếm đoạt số tiền 16.000.000 đồng đúng như lời khai của T và B. Do vậy, ngày 16 tháng 01 năm 2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã thay đổi Quyết định khởi tố vụ án thành tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và khởi tố bị can đối với T, B về tội danh này.

Tại bản cáo trạng số 89/CT – VKS ngày 09 tháng 5 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo Hoàng Ngọc B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Tấn T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Hoàng Ngọc B và Nguyễn Tấn T thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, các bị cáo đồng ý với nội dung truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P nêu trong bản cáo trạng. Các bị cáo và bị hại Vũ Ngọc Đ không có ý kiến gì về Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Đối với bị cáo Hoàng Ngọc B, đề nghị xét xử bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về tội Trộm cắp tài sản, đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Tự thú*”, “*Thành khẩn khai báo*”,

“bồi thường cho người liên quan” theo quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “tự nguyện bồi thường thiệt hại”, “Thành khẩn khai báo”, “đầu thú” theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội, buộc bị cáo Hoàng Ngọc B phải chịu mức hình phạt chung của 02 tội đT từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù.

- Đối với bị cáo Nguyễn Tấn T, đề nghị xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “tự nguyện bồi thường thiệt hại”, “Thành khẩn khai báo”, “đầu thú” theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với mức án từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P còn đề xuất hướng xử lý vật chứng và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trT1 tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bà Đỗ Thị H là chủ sở hữu của xe mô tô biển số 81H9 – 4893 do Nguyễn Tấn T sử dụng cùng Hoàng Ngọc B thực hiện hành vi lừa đảo đối với anh Hồ Nhật T và chị Lê Như A. Bà Nguyễn Thị Kim H là chủ sở hữu của xe mô tô biển số 81B1 – 684.97 do Hoàng Ngọc B sử dụng để đi trộm cắp tài sản của ông Vũ Ngọc Đ. Khi T và B thực hiện hành vi phạm tội, bà Đỗ Thị H và bà Nguyễn Thị Kim H không biết nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với bà Đỗ Thị H và bà Nguyễn Thị Kim H với vai trò đồng phạm trong vụ án này.

Ông Nguyễn Văn Q đã mua điện thoại di động Samsung J8 do Hoàng Ngọc B đem đến

bán nhưng ông không biết điện thoại này do B trộm cắp mà có vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Q về hành vi tiêu thụ tài sản người khác phạm tội mà có là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Đối với đề nghị truy tố về tội “*Trộm cắp tài sản*”

Ngày 25 tháng 12 năm 2021, khi phát hiện ông Vũ Ngọc Đ để điện thoại di động hiệu Samsung J8 trên cabin xe ô tô tải nhưng không khóa cửa, Hoàng Ngọc B lén lút chiếm đoạt điện thoại nêu trên đem bán tại tiệm điện thoại HT. Qua định giá, điện thoại di động hiệu Samsung J8 có giá 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Đến thời điểm phạm tội, các hành vi trộm cắp tài sản mà bị cáo Hoàng Ngọc B đã thực hiện theo Bản án số 46/2016/HSST ngày 30 tháng 3 năm 2016 và Bản án số 01/2020/HSST ngày 07 tháng 01 năm 2020 đều chưa thi hành xong bồi thường dân sự và án phí nên chưa được xóa án tích theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Theo Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Trộm cắp tài sản được quy định như sau “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*

- a) *Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm*
- b) *Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;”*

Do đó hành vi bị cáo Hoàng Ngọc B thực hiện ngày 25 tháng 12 năm 2021 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P.

[3] Đối với đề nghị truy tố về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Khi biết anh Hồ Nhật T1 muốn mua pháo hoa về bán, Nguyễn Tấn T đưa số điện thoại của người bán pháo do Hoàng Ngọc B đóng giả cho T1 liên lạc. Khi anh T1 gọi đến, B yêu cầu anh T1 tắt cả giao dịch từ việc đi lấy pháo và giao pháo phải thông qua T để buộc anh T1 phải giao tiền cho T. Với thủ đoạn này, ngày 08 tháng 01 năm 2022 tại đường LTT, tổ 6, phường YĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai Nguyễn Tấn T và Hoàng Ngọc B đã thành công chiếm đoạt được 16.000.000 đồng của anh Hồ Nhật T1 và chị Lê Như A.

Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định như sau: “*Người nào dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng....., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”. Do đó hành vi của Hoàng Ngọc B và Nguyễn Tấn T thực hiện vào ngày 08 tháng 01 năm 2022 đủ yếu tố cấu

thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuy nhiên, hành vi trộm cắp tài sản do Hoàng Ngọc B thực hiện vào ngày 26 tháng 7 năm 2019 theo Bản án số 01/2020/HSST ngày 07 tháng 01 năm 2020 chưa được xóa án tích bị xác định là “*tái phạm*”. Vì vậy hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản lần này của Hoàng Ngọc B là “*tái phạm nguy hiểm*” theo điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung tăng nặng của tội danh Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Vì vậy, bị cáo Nguyễn Tấn T phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Hoàng Ngọc B phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng đã truy tố.

[4] Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản cũng như dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp được Hiến pháp và pháp luật hình sự B vệ. Các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi bản thân đã thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vì bản chất lười lao động, ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện kém, coi thường tính nghiêm minh của pháp luật nên cố ý thực hiện hành vi. Bản thân mỗi bị cáo đều có nhân thân xấu nên cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo mới đủ sức cảnh tỉnh, răn đe các bị cáo trở thành công dân tốt.

Tuy nhiên, sau khi chiếm đoạt tiền của anh T1, chị A, bị cáo Hoàng Ngọc B và Nguyễn Tấn T đã đến công an thành phố P đầu thú, riêng bị cáo B tự thú về hành vi trộm cắp điện thoại của ông Đ, thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện; bị cáo B tác động gia đình bồi thường cho bị hại T toàn bộ số tiền đã bị chiếm đoạt tương ứng với phần được hưởng lợi, tác động gia đình bồi thường cho anh Q người mua điện thoại số tiền nhận được khi bán điện thoại nhằm khắc phục hậu quả đã gây ra, bị cáo T tác động gia đình bồi thường cho bị hại T một phần số tiền đã bị chiếm đoạt tương ứng với phần được hưởng lợi; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hội đồng xét xử trong quá trình quyết định hình phạt sẽ cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên tương ứng với từng tội danh mà các bị cáo đã phạm để giảm nhẹ một phần hình phạt của các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Hồ Nhật T và Lê Như A đã nhận số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng trong đó gia đình bị cáo Hoàng Ngọc B đã bồi thường số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng còn gia

đình bị cáo Nguyễn Tấn T bồi thường số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Tại phiên tòa, anh T1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Tấn T phải bồi thường số tiền còn lại là 4.000.000 (mười một triệu) đồng. Bị cáo Hoàng Ngọc B thông qua gia đình đã bồi thường đủ số tiền 8.000.000 đồng vượt hơn số tiền bị cáo thực tế sử dụng nên bị cáo không có nghĩa vụ bồi thường cho anh T1 số tiền còn lại

Bị cáo Nguyễn Tấn T thông qua gia đình chỉ mới bồi thường số tiền 4.000.000 đồng nên cần buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 4.000.000 đồng theo yêu cầu của bị hại Hồ Nhật T1.

Bị hại Vũ Ngọc Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Q không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại các tài sản sau đây cho chủ sở hữu: xe mô tô biển số 81H9 – 4893 cho bà Đỗ Thị H, xe mô tô biển số 81B1 – 684.97 cho bà Nguyễn Thị Kim H, điện thoại Samsung J8 cho bị hại Vũ Ngọc Đ là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 4 màu trắng, số IMEI 012538004905886, mặt sau và màn hình đã bị nứt vỡ; 01 (một) thẻ sim điện thoại có số thuê bao 0342847.332, bề mặt sau sim có dòng chữ “Viettel 4G, 8984048000339004322”; 01 (một) thẻ sim điện thoại có số thuê bao 0396097064, bề mặt sau sim có dòng chữ “Viettel 4G, 8984048000047779631”, qua điều tra xác định các bị cáo đã sử dụng làm công cụ để liên lạc nhằm chiếm đoạt tiền của bị hại Hồ Nhật T1 nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với điện thoại di động và tịch thu tiêu hủy đối với các thẻ sim điện thoại.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Hoàng Ngọc B, Nguyễn Tấn T.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí về bồi thường dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Ngọc B phạm tội “***Trộm cắp tài sản***” và “***Lừa đảo chiếm đoạt tài sản***”; bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội “***Lừa đảo chiếm đoạt tài sản***”

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc B 09 (chín) tháng tù, về tội “***Trộm cắp tài sản***”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 13 tháng 01 năm 2022

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174, Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc B 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 13 tháng 01 năm 2022

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Hoàng Ngọc B phải chịu hình phạt chung là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 13 tháng 01 năm 2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 174, Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 13 tháng 01 năm 2022.

- Áp dụng Điều 584, Điều 587, Điều 589 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T bồi thường cho anh Hồ Nhật T1, chị Lê Như A số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 4 màu trắng, số IMEI 012538004905886, mặt sau và màn hình đã bị nứt vỡ (điện thoại cũ, đã qua sử dụng, Chi cục thi hành án dân sự không kiểm tra tình trạng bên trong)

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thẻ sim điện thoại có số thuê bao 0342847.332, bề mặt sau sim có dòng chữ “Viettel 4G, 8984048000339004322” (thẻ sim điện thoại cũ, đã qua sử dụng) và 01 (một) thẻ sim điện thoại có số thuê bao 0396097064, bề mặt sau sim có dòng chữ “Viettel 4G, 8984048000047779631” (thẻ sim điện thoại cũ, đã qua sử dụng)

(Tất cả theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố P và Chi cục thi hành án thành phố P)

- Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Hoàng Ngọc B và Nguyễn Tấn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về phần bồi thường dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố P;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA